

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2017 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI  
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Xét Tờ trình số 154a/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục bổ sung công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2017 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2017 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

1. Danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất là 132 công trình, dự án, diện tích 330,52 ha (chi tiết theo Phụ lục 01 kèm theo Nghị quyết này).

2. Danh mục bổ sung công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp là 60 công trình, dự án, trong đó: đất lúa 39,33ha, đất rừng phòng hộ 2,36 ha (chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo Nghị quyết này).

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Trường hợp cần thiết có phát sinh công trình, dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp, thì Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua để thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.
3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2017./.

### **Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBND tỉnh;
- Bộ Tài nguyên Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội bầu ở tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, Hội, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- VP: UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, BKTNS (01).A180.

**CHỦ TỊCH**



**Bùi Thị Quỳnh Vân**

# DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁP LÝ HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2017 CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
					Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(8)+...+(12)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>Thành phố Quảng Ngãi</b>										
1	Trường Giáo dục trẻ khuyết tật - giải phóng mặt bằng xây dựng nhà hiệu bộ, tường rào	0.13	Phường Nghĩa Lộ	Tờ bản đồ số 33	1,000.0		1,000.0			
2	Trường THPT Lê Trung Đình (giai đoạn 2)	0.39	Phường Chánh Lộ	Tờ bản đồ số 01	9,600.0		9,600.0			
3	Xây dựng giếng nước khai thác và cung cấp nước sạch	0.08	Phường Lê Hồng Phong	Tờ bản đồ số 03	500.0					500.0
4	Khu dân cư Kỳ Xuyên Bắc	24.00	xã Tịnh Kỳ	Tờ bản đồ số 15	90,000.0		90,000.0			
5	Khu dân cư Yên Phú	1.30	Phường Nghĩa Lộ	Tờ bản đồ số 02	8,500.0		8,500.0			

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
					Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
6	KTĐC kết hợp phát triển quỹ đất phục vụ cho dự án Xây dựng hệ thống đê bao nhằm biến đổi khí hậu	7.50	xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi	Tờ bản đồ số 02, 03, 04	28,000.0		28,000.0			
7	Khu dân cư Tịnh kỳ (giai đoạn 2)	3.00	xã Tịnh Kỳ	Tờ bản đồ số 04, 14	9,300.0		9,300.0			
8	Đường nối từ đường Hùng Vương đến đường Nguyễn Tự Tân	0.38	phường Trần Phú	Tờ bản đồ số 11	1,600.0		1,600.0			
9	Khu đô thị mới Nghĩa Phú (phân khu II)	8.10	xã Nghĩa Phú	Tờ bản đồ số 3,4,7,10,11	8,000.0					8,000.0
10	Nhà văn hóa thôn Tăng Long	0.08	xã Tịnh Long	Tờ số 25	100.0			100.0		
11	San nền, lát vỉa hè và trồng cây xanh trước Phòng khám Đa khoa khu vực Mỹ Lai, xã Tịnh Khê	0.20	xã Tịnh Khê	Tờ số 11	200.0			200.0		
12	Khu đô thị Phú Mỹ	2.35	phường Nghĩa Chánh và xã Nghĩa Đông	Tờ số 6 phường Nghĩa Chánh; tờ số 3,4,5,6,10,11 xã Nghĩa Đông	5,000.0					5,000.0
13	Đường dây 110kV TBA 220kV Quảng Ngãi - Núi Bút	0.002	phường Nghĩa Chánh		0.0					

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
					Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
	<b>Huyện Bình Sơn</b>									
14	Trạm biến áp 110kV Bình Nguyên và đầu nối	1.01	xã Bình Long, Bình Chương và thị trấn Châu Ô		1,000.0					1,000.0
15	Phần diện tích Hành lang kỹ thuật và dải cây xanh cách ly giữa các Tuyến đường trục Khu công nghiệp phía Tây với ranh giới mặt bằng Dự án Khu đô thị công nghiệp Dung Quất.	7.50	Xã Bình Thạnh	Các tờ bản đồ số: 2, 3, 7, 8, 14, 15, 16, 17, 18, 26, 27, 37, 38, 49, 50 và 60.	7,200.0		7,200.0			
16	Bổ sung diện tích dự án Khu đô thị công nghiệp Dung Quất - giai đoạn 1A (Vị trí: 7,4 ha, Vị trí: 2,6 ha và Vị trí: 0,5 ha).	10.5	Xã Bình Thạnh	Các tờ bản đồ số: 2, 3, 6, 15, 16, 26, 27 và 34	13,000.0		13,000.0			
17	Nhà Văn hóa thôn Trung An, xã Bình Thạnh	0.06	Xã Bình Thạnh	Tờ bản đồ số 59	0.0					
18	Cầu Đông Yên 3	0.35	xã Bình Dương	Tờ bản đồ số 13, 14	200.0					200.0
19	Hạng mục công trình di dời hệ thống điện nằm trong mặt bằng dự án: Đường Tri Bình - cảng Dung Quất.	8.00	Xã Bình Chánh, xã Bình Thạnh	Thuộc tờ bản đồ số: 26, 27, 37 xã Bình Chánh, tờ bản đồ 74, 75 xã Bình Thạnh	150.0	150.0				

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
					Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
20	Mở rộng Khu nghĩa địa xã Bình Phước	1.75	xã Bình Phước	Tờ bản đồ số 78	2,000.0					2,000.0
21	Đầu tư xây dựng công trình hệ thống thoát nước mưa, thu gom và xử lý rác thải khu công nghiệp phía Đông Dung Quất	2.2	xã Bình Đông	Tờ bản đồ số 34, 35, 42, 94, 95, 98, 101, 105	3,000.0		3,000.0			
22	Xây dựng công trình đoạn cuối tuyến Tri Bình - Cảng Dung Quất thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình các tuyến đường trục vào Khu Công nghiệp nặng Dung Quất phía Đông	13.5	xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số 46,52,58,59, 65,66	1,500.0		1,500.0			
23	Khu dân cư xã Bình Trung	0.33	xã Bình Trung	Tờ bản đồ số: 06, 17, 09, 11, 08, 22, 21	300.0			300.0		
24	Khu dân cư Gò Ngựa	1.87	xã Bình Trung	Tờ bản đồ số :06	1,000.0			1,000.0		
25	Khu dân cư Núi I	0.5	xã Bình Long	Tờ bản đồ số 05	500.0		500.0			
26	Mở rộng hai ngăn xuất tuyến 220 kV tại Trạm biến áp 500 kV Dốc Sỏi	0.28	xã Bình Nguyên	Tờ bản đồ số 22, xã Bình Nguyên	482.0					482.0
27	Nhà văn hóa thôn Nam Bình II	0.1	xã Bình Nguyên	Tờ bản đồ số 21, xã Bình Nguyên	600.0		600.0			

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
					Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
28	Nhà Văn hóa thôn Tri Bình	0.06	xã Bình Nguyên	Tờ bản đồ số 09, xã Bình Nguyên	600.0		600.0			
29	Nhà Văn hóa thôn Phước Bình	0.07	xã Bình Nguyên	Tờ bản đồ số 34, xã Bình Nguyên	600.0		600.0			
30	Đường dây 500Kv Dốc Sỏi - Pleiku 2, đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	1.95	trên địa bàn huyện Bình Sơn		1,900.0					1,900.0
31	Đường dây 500Kv Quảng Trạch -Dốc Sỏi, đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	1.8	trên địa bàn huyện Bình Sơn		1,800.0					1,800.0
<b>Huyện Sơn Tịnh</b>										
32	Chống ngập Khu công nghiệp VSIP đoạn qua kênh B10 và khu dân cư lân cận	2.82	xã Tịnh Phong	Tờ bản đồ số 23,27,28	2,868.0		2,868.0			
33	Trung tâm văn hóa huyện Sơn Tịnh	6.01	xã Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 17	3,000.0		3,000.0			
34	KDC Đồng Phú	4.95	xã Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 25	5,000.0			5,000.0		
35	Kho bạc Nhà nước huyện Sơn Tịnh	0.25	xã Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 18	300.0	300.0				

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
					Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
36	Chợ Than mới	0.48	xã Tịnh Hiệp	Tờ bản đồ số 19,20	500.0			500.0		
37	Điểm dân cư Cù Và	0.64	xã Tịnh Giang	Tờ bản đồ số 13	600.0			600.0		
38	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cây Bứa	1.62	xã Tịnh Giang	Tờ bản đồ số 23,24,27,28	1,700.0		1,700.0			
39	Đường dây 500Kv Đốc Sỏi - Pleiku 2, đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	1.79	trên địa bàn huyện Sơn Tịnh		1,800.0					1,800.0
40	Khu dân cư OM6 huyện Sơn Tịnh	10.31	xã Tịnh Hà và xã Tịnh Sơn	Tờ bản đồ số 22,23 Tịnh Sơn; tờ số 18 xã Tịnh Hà	10,000.0			10,000.0		
41	Đền tưởng niệm liệt sĩ huyện Sơn Tịnh	0.64	xã Tịnh Sơn	Tờ số 15	850.0		850.0			
	<b>Huyện Tư Nghĩa</b>									
42	Tiểu dự án GPMB đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, đoạn qua huyện Tư Nghĩa	1.52	Nghĩa Điền, Nghĩa Trung, Nghĩa Thương	Tờ 01, 02, 07, 08, 13, 14 (Nghĩa Điền); 08, 09, 10, 11, 15, 16 (Nghĩa Trung); 14, 15, 21, 22 (Nghĩa Thương)	2,000.0		2,000.0			
43	Kênh trạm bơm 3	0.28	Xã Nghĩa Kỳ, Nghĩa Thuận	Tờ 19, 20, 25, 26	105.1		105.1			

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
					Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
44	Hoàn trả đường dân sinh và mương tưới, tiêu nước bị ảnh hưởng từ dự án mở rộng trường ĐH TCKT	0.10	TT La Hà	Tờ 12	111.6	111.6				
45	Hệ thống mương tiêu Đồng Miếu và chỉnh dòng sông Cầu Cát đoạn Nghĩa Phương - Nghĩa Thương	11.16	Nghĩa Hiệp, Nghĩa Thương, Nghĩa Phương	Tờ 2, 3, 5, 7, 23, 28	6,090.0		6,090.0			
46	KDC dọc đường trục chính phía Tây trung tâm TT La Hà	6.40	TT La Hà	Tờ 10, 11, 16	21,421.0			21,421.0		
47	Hệ thống tiêu úng Bàu Nhá - Bàu Giang	9.24	Nghĩa Điền	Tờ 3, 8 13	5,241.0			5,241.0		
48	Khu TĐC phục vụ dự án mở rộng Trường Đại học Tài chính-Kế toán (phần bổ sung)	0.04	TT La Hà	Tờ 11	1,500.0			1,500.0		
49	Mở rộng trường tiểu học thị trấn La Hà	0.35	TT La Hà	Tờ 11	430.0			430.0		
50	Mở rộng trường mầm non Sao Mai	0.25	TT La Hà	Tờ 16	400.0			400.0		
51	Mở rộng trường mầm non Hoa Sen	0.12	TT La Hà	Tờ 11	250.0			250.0		

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
					Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
52	Chính trang khu dân cư nông thôn Điền Chánh	20.00	Xã Nghĩa Điền	Tờ 3, 4	24,000.0					24,000.0
53	Trường mầm non xã Nghĩa Kỳ	0.54	xã Nghĩa Kỳ	Tờ bản đồ số 12	500.0			500.0		
54	Khu dân cư đô thị An Điền Phát Quảng Ngãi	5.00	thị trấn La Hà	Tờ bản đồ số 16, 17	8,394.0					8,394.0
55	Đường dây 110kV TBA 220kV Quảng Ngãi - Núi Bút	0.150	thị trấn Sông Vệ; thị trấn La Hà xã Nghĩa Hiệp; xã Nghĩa Thương		0.0					
<b>Huyện Mộ Đức</b>										
56	Đường dây 110kV TBA 220 kV Quảng Ngãi - Đức Phổ - Tam Quan	0.42	xã Đức Lân, Đức Phong		400.0					400.0
57	Đường dây 110kV TBA 220kV Quảng Ngãi - Núi Bút	0.29	các xã: Đức Lân, Đức Phong, Đức Chánh, Đức Thạnh, Đức Nhuận		0.0					
58	Kênh Đồng Chồi	0.69	xã Đức Phong	Tờ bản đồ số 2, 6, 7	600.0		600.0			
59	Kênh hồ chứa nước lổ Thùng	0.55	xã Đức Phú, Đức Hòa	TBĐ số 18, 25 (Đức Phú, tờ số 17 xã Đức Hòa	500.0		500.0			

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
					Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
60	Nhà văn hóa thị trấn Mộ Đức	0.20	thị trấn Mộ Đức	tờ bản đồ số 9	200.0					200.0
61	Chợ Thạch Trụ, xã Đức Lâm	1.60	xã Đức Lâm	tờ bản đồ số 44	1,600.0					1,600.0
62	Nhà văn hóa xã Đức Hiệp	0.26	Xã Đức Hiệp	Tờ bản đồ: 12	200.0			200.0		
63	Quy hoạch khép kín KDC Phía Bắc nhà ông Quá (phục vụ bổ sung Tái định cư Dự án: Quốc lộ 1A)	0.402	Xã Đức Chánh	Tờ bản đồ: 19,24	400.0			400.0		
64	Trường Mầm non Đức Thạnh	0.44	Xã Đức Thạnh	Tờ bản đồ: 09, 13	400.0			400.0		
65	Nhà văn hóa thôn Minh Tân Nam	0.13	Xã Đức Minh	Tờ bản đồ: 11	150.0			150.0		
66	Nhà văn hóa thôn Đạm Thủy Nam	0.08	Xã Đức Minh	Tờ bản đồ: 23	100.0			100.0		
67	Nhà văn hóa thôn Đạm Thủy Bắc	0.2	Xã Đức Minh	Tờ bản đồ: 16, 19	200.0			200.0		
68	Mở rộng trường Mầm non Đức Minh	0.27	Xã Đức Minh	Tờ bản đồ: 19	0.0			0.0		
69	Quy hoạch khu dân cư xã Đức Thắng	0.4	xã Đức Thắng	tờ bản đồ số 10, 22						
70	Kè bờ Nam sông vệ	1.15	xã Đức Thắng	Tờ bản đồ số 2,7,8,10	1,000.0		1,000.0			

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
					Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
71	Khu dân cư Phước Thịnh	1.64	xã Đức Thạch	Tờ bản đồ số 6,7	1,500.0					1,500.0
72	Trụ sở làm việc Huyện ủy Mộ Đức	1.28	thị trấn Mộ Đức	tờ bản đồ số 5	1,536.00		1,536.00			
<b>Huyện Đức Phổ</b>										
73	Đường dây 110kV TBA 220 kV Quảng Ngãi - Đức Phổ - Tam Quan	2.47	xã: Phổ Thuận, Phổ Văn; Phổ Minh, thị trấn Đức Phổ, Phổ Hòa, Phổ Cường, Phổ Khánh, Phổ Thạnh, Phổ Châu		2,000.0					2,000.0
74	Bia di tích vụ thảm sát Chợ An xã Phổ An (giai đoạn 2)	0.18	xã Phổ An	Tờ bản đồ số 12	100.0			100.0		
75	Đường trục chính Khu du lịch Sa Huỳnh (nối dài)	6.25	xã Phổ Châu	Tờ bản đồ số 18,20,25,26,32,33,34,35,38, 39,42,44,46	15,000.0		15,000.0			
76	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ	0.07	thị trấn Đức Phổ	Tờ số 9	700.0			700.0		
77	Trạm thực nghiệm lâm nghiệp Quảng Ngãi tại xã Phổ Khánh	45.00	xã Phổ Khánh	tờ bản đồ địa chính cơ sở số 626608	10,000.0					10,000.0
78	Tuyến đường từ KDC Đồng Phời đến giáp đường Bùi Thị Xuân	0.02	thị trấn Đức Phổ	tờ bản đồ số 30	200.0				200.0	

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
					Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
79	Nhà văn hóa, sân thể thao xã Phổ An	0.35	xã Phổ An	tờ bản đồ số 12	300.0		300.0			
80	Tuyến đường Võ Trung Thành đến giáp đường tránh Đông (nút 24)	3.82	xã: Phổ Hòa, Phổ Minh	Tờ bản đồ số 5,6 xã Phổ Hòa; tờ số 13,16 xã Phổ Minh	10,000.0		10,000.0			
81	Trường Mầm non xã Phổ Quang	0.37	xã Phổ Quang	Tờ số 08	300.0		300.0			
<b>Huyện Nghĩa Hành</b>										
82	Tiểu dự án GPMB đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, đoạn qua huyện Tư Nghĩa	0.14	xã Hành Thuận	Tờ 06,14	200.0		200.0			
83	Trụ sở Liên Đoàn lao động huyện Nghĩa Hành	0.05	Thị Trấn Chợ Chùa	Tờ bản đồ: 22	56.0		56.0			
84	Trường Mầm non xã Hành Tín Đông	0.09	Hành Tín Đông	Tờ bản đồ: 04	300.0		300.0			

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
					Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
85	Tuyến đường Ngã tư tỉnh lộ 628 đến kênh N12	0.52	Thị trấn Chợ Chùa và Hành Đức	Tờ bản đồ: 3, 21 Hành Đức và Tờ bản đồ 22 thị trấn Chợ Chùa	320.0		320.0			
86	Đầu tư cơ sở vật chất trại nghiên cứu thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp (giai đoạn 2); Hạng mục: Đường dây trung áp 22KV, đường dây hạ áp 0,4KV và trạm biến áp	0.003	Hành Thuận	Tờ bản đồ: 9, 10	10.0		10.0			
87	Cầu Hương Long, huyện Nghĩa Hành	0.45	Hành Trung và Hành Đức	Tờ bản đồ: 01,02 xã Hành Đức và Tờ bản đồ số 5 xã Hành Trung	900.0		900.0			
88	Cầu Bàu Trai, huyện Nghĩa Hành	0.74	Hành Đức và Hành Phước	Tờ bản đồ số 34 xã Hành Đức và tờ bản đồ số 04 xã Hành Phước	1,200.0		1,200.0			
89	Cầu Hành Tín, huyện Nghĩa Hành	1.50	Hành Tín Tây và Hành Tín Đông	Tờ bản đồ số 3, 23 xã Hành Tín Đông và Tờ bản đồ 12, 32 xã Hành Tín Tây	1,400.0		1,400.0			
90	Nâng cấp, sửa chữa đường huyện ĐH.58F-58D	0.74	TT Chợ Chùa và Hành Đức	Tờ bản đồ số 17, 22 thị trấn Chợ Chùa và Tờ bản đồ số 01 xã Hành Đức	500.0			500.0		
91	Khu dân cư thôn Phúc Minh, xã Hành Thuận	0.06	Hành Thuận	Tờ bản đồ: 17	300.0			300.0		

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
					Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
92	Khu công viên cây xanh xã Hành Thuận	0.19	Hành Thuận	Tờ bản đồ số 03	200.0		200.0			
<b>Huyện Ba Tơ</b>										
93	Cấp điện xã Ba Điền	0.014	xã Ba Điền	Tờ bản đồ số 9, 10,15,16,18,21,22,23,24	0.0					
94	Cấp điện xã Ba Điền	0.08	xã Ba Tô	Tờ bản đồ số 5,6,14,15,9,18,19,26,27,29,30,32,33,36,37,38,39,47,49,50,52,53,58,61,65,66,71,72	0.0					
95	Cầu Vả Ranh	0.29	xã Ba Điền	Tờ bản đồ số 01	300.0		300.0			
96	Hồ chứa nước Lỗ Lá	1.73	xã Ba Khâm	Tờ BĐĐCCS số 638596	12,000.0		12,000.0			
97	Đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện vùng Tây Quảng Ngãi (ba Tơ-Minh Long-Sơn Hà)Đoạn Km0+00-Km22+336)	31.4	Các xã: Ba Động, Ba Thành, Ba Vinh, Ba Điền		10,000.0		10,000.0			
98	Đường Trần Quý Hai	0.24	thị trấn Ba Tơ	Tờ bản đồ số 07,08	200.0			200.0		
99	Cầu BTCT UBND xã - Nước Lá	0.15	xã Ba Vinh	Tờ bản đồ số 39,47	200.0			200.0		

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
					Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
100	Tuyến đường từ tổ 4 thôn Ba Nhà - Gò Lút	1.3	xã Ba Giang	Tờ bản đồ số 11,12,13	200.0			200.0		
101	Đường BTXM từ đầu xóm tổ Đèo Lâm đến cuối xóm tổ Đèo Lâm	0.63	xã Ba Thành	Tờ bản đồ số 27,29	450.0			450.0		
102	Đường dây 500Kv Đốc Sỏi - Pleiku 2, đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	2.93	trên địa bàn huyện Ba Tư		2,900.0					2,900.0
<b>Huyện Minh Long</b>										
103	Kênh đập dâng Ruộng Thủ	0.62	xã Long Sơn	Tờ bản đồ số 36,46,47	523.0		523.0			
104	Nhà văn hóa Thiếu nhi huyện Minh Long	0.2	xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 13	20.0			20.0		
105	Cầu áp Gò Bắc và đường hai đầu cầu	0.4	xã Thanh An	Tờ bản đồ số 26,27	400.0			400.0		
106	Trường Tiểu học Long Môn (TT Làng Trê)	0.6	xã Long Môn	Tờ bản đồ số 3,10	600.0			600.0		
107	Đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện vùng Tây Quảng Ngãi (ba Tư-Minh Long-Sơn Hà)Đoạn Km0+00-Km22+336)	8.06	xã Thanh An		5,000.0			5,000.0		

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
					Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
	<b>Huyện Sơn Hà</b>									
108	Kênh đập dâng Xã Điệu	0.85	xã Sơn Hạ	Tờ bản đồ số 674557, 671560, 674560, 671557	500.0		500.0			
109	Nâng cấp đường dây hạ thế cấp điện thôn Canh Mo và thôn Xà Riêng	0.008	xã Sơn Nham		20.0			20.0		
110	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Sơn Hà - Sơn Tây (ĐT 623), đoạn Km0+300-Km14+630	1.25	xã Sơn Thượng	Vị trí : 549847.12; 1661803.25	439.0		439.0			
111	Đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện vùng Tây Quảng Ngãi (ba Tơ-Minh Long-Sơn Hà)Đoạn Km36+755,75-Km51+00)	7.66	xã Sơn Cao		2,150.0		2,150.0			
112	Đường dây 500Kv Dốc Sỏi - Pleiku 2, đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	6.17	Các xã: Sơn Hạ, Sơn Nham, Sơn Linh, Sơn Cao, Sơn Thủy, Sơn Kỳ, Sơn Ba		6,000.0					6,000.0
113	Đường vào nhà sinh hoạt công đồng tổ dân phố Làng Dầu, thị trấn Di Lăng	0.08	thị trấn Di Lăng		64.0			64.0		
114	Công trình đường điện xóm Cà Tu	0.003	xã Sơn Linh		10.0			10.0		

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
					Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
115	Công trình đường điện xóm Đồng Làng	0.003	xã Sơn Linh		10.0			10.0		
116	Mở rộng trụ sở Khối Mặt trận - Hội đoàn thể huyện	0.02	thị trấn Di Lăng		50.0			50.0		
117	Trạm biến áp 220kv Sơn Hà	0.42	thị trấn Di Lăng		400.0			400.0		
<b>Huyện Sơn Tây</b>										
118	Đường vào Nghĩa trang Liệt sĩ huyện	0.20	xã Sơn Dung	tờ bản đồ đất lâm nghiệp số 06	200.0			200.0		
119	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.623 (Sơn Hà-Sơn Tây), đoạn Km26-Km27	0.93	trên địa bàn huyện Sơn Tây		1,500.0		1,500.0			
<b>Huyện Tây Trà</b>										
120	Tuyến đường UBND xã đi đội 6 thôn Trà Kem (đoạn 3)	0.10	Trà Xinh	Tờ bản đồ địa chính đất ở số 4: X 1674632; Y 537521 X 1674664; Y 537428	100.0	100.0				
121	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trà Na - Trà Reo - Trà Bung, xã Trà Phong	4.00	Trà Phong, huyện Tây Trà	Bản đồ địa chính khu đất số 1, 2 đo vẽ năm 2017 thuộc 02 tờ bản đồ cơ sở 683536; 683539	1,500.0		1,500.0			

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
					Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
122	Trường THCS DTNT huyện Tây Trà	1.10	Xã Trà Phong, huyện Tây Trà	Tờ bản đồ số 13	1,000.0		1,000.0			
123	Trường Trung học cơ sở Trà Quân	0.33	Xã Trà Quân	Tờ bản đồ số 6	300.0			300.0		
124	Trường Tiểu học Trà Quân	0.50	xã Trà Quân	Tờ bản đồ số 6	245.0		245.0			
125	Cầu Dầm L=12m	1.70	xã Trà Lãnh	Tờ bản đồ số 9, 13	700.0	700.0				
126	Cầu Sông Hà Riêng và tuyến đường đi khu tái định cư thôn Hà Riêng	2.10	Xã Trà Phong	Tờ bản đồ số 15 và cơ sở số 677539-2	500.0		500.0			
<b>Huyện Trà Bồng</b>										
127	Đường dây 500Kv Dốc Sỏi - Pleiku 2, đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	0.07	trên địa bàn huyện Trà Bồng		200.0					200.0
<b>Huyện Lý Sơn</b>										
128	Đường vào cảng cá Lý Sơn, xã An Hải	1.68	Xã An Hải	Tờ bản đồ số 21,22,23,27	4,815.0	4,815.0				
129	Cơ sở thờ tự thánh thất Cao đài họ đạo Lý Sơn	0.05	xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số 4	250.0					250.0

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
					Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
130	Nâng cấp các tuyến đường giao thông đến các di tích, danh lam thắng cảnh huyện Lý Sơn	1.54	xã An Hải,	Tờ bản đồ số 5,6,10,11,18,19,25,26	1,500.0		1,500.0			
131	Chùa Hải Lâm	1.00	xã An Hải	Tờ bản đồ số 12,29	1,000.0					1,000.0
132	Dự án Nâng cấp đường cơ động đảo Lý Sơn	3.60	xã An Vĩnh							
	<b>Tổng cộng</b>	<b>330.52</b>			<b>403710.72</b>	<b>6176.64</b>	<b>257592.08</b>	<b>58616.00</b>	<b>200.00</b>	<b>81126.00</b>

## Phụ lục 02

**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TRONG NĂM 2017 CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh)



Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
<b>Thành phố Quảng Ngãi</b>							
1	Khu đô thị mới Nghĩa Phú (phân khu II)	8.10	0.03		xã Nghĩa Phú	Tờ bản đồ số 3,4,7,10,11	
2	Trung tâm thể dục thể thao Trung Thành Long	1.55	0.58		phường Trương Quang Trọng	Tờ số 23	
3	Bãi để xe, Nhà trưng bày và kinh doanh dịch vụ ôtô Cty CP Bình Tâm	0.39	0.25		phường Nghĩa Chánh	Tờ số 4	
4	Đường dây 110kV TBA 220kV Quảng Ngãi - Núi Bút	0.015	0.004		phường Nghĩa Chánh		
<b>Huyện Bình Sơn</b>							
5	Đầu tư xây dựng công trình hệ thống thoát nước mưa, thu gom và xử lý rác thải khu công nghiệp phía Đông Dung Quất.	2.20	0.30		xã Bình Đông	Tờ số 34,35,42,94,95,98,101,105	

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
6	Xây dựng công trình đoạn cuối tuyến Trì Bình - Cảng Dung Quất thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình các tuyến đường trục vào Khu Công nghiệp nặng Dung Quất phía Đông	13.50	0.40		xã Bình Thuận	Tờ số 46,52,58,59,65,66	
7	Mở rộng hai ngăn xuất tuyến 220kV tại Trạm biến áp 500kV Đốc Sỏi	0.28	0.18		xã Bình Nguyên	Tờ số 22	
8	Trạm biến áp 110kV Bình Nguyên và đấu nối	1.01	0.34		xã Bình Long, Bình Chương và thị trấn Châu Ổ		
9	Đầu tư xây dựng công trình hệ thống thoát nước mưa, thu gom và xử lý rác thải khu công nghiệp phía Đông Dung Quất	2.20	0.30		xã Bình Đông	Tờ số 34,35,42,94,95,98,101,106	
<b>Huyện Sơn Tịnh</b>							
10	Chống ngập Khu công nghiệp VSIP đoạn qua kênh B10 và khu dân cư lân cận	2.82	0.96		xã Tịnh Phong	Tờ bản đồ số 23,27,28	
11	Trung tâm văn hóa huyện Sơn Tịnh	6.01	0.12		xã Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 17	
12	KDC Đồng Phú	4.95	2.16		xã Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 25	

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
13	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cây Bứa	1.62	0.27		xã Tinh Giang	Tờ bản đồ số 23,24,27,28	
<b>Huyện Tư Nghĩa</b>							
14	Khu sinh thái, nghỉ dưỡng tắm bùn Suối nước nóng Nghĩa Thuận	13.90	9.61		Xã Nghĩa Thuận	Tờ 9, 10	
15	Hệ thống mương tiêu Đồng Miếu và chỉnh dòng sông Cầu Cát đoạn Nghĩa Phương - Nghĩa Thương	11.16	2.85		Nghĩa Hiệp, Nghĩa Thương, Nghĩa Phương	Tờ 2, 3, 5, 7, 23, 28	
16	KDC dọc đường trục chính phía Tây trung tâm TT La Hà	6.40	4.12		TT La Hà	Tờ 10, 11, 16	
17	Hệ thống tiêu úng Bàu Nhá - Bàu Giang	9.24	2.71		Nghĩa Điền	Tờ 3, 8, 13	
18	Khu TĐC phục vụ dự án mở rộng Trường Đại học Tài chính-Kế toán (phần bổ sung)	0.04	0.01		TT La Hà	Tờ 11	
19	Hoàn trả đường dân sinh và mương tưới, tiêu nước bị ảnh hưởng từ dự án mở rộng trường ĐH TCKT	0.10	0.01		TT La Hà	Tờ 12	
20	Mở rộng trường tiểu học thị trấn La Hà	0.35	0.30		TT La Hà	Tờ 11	
21	Mở rộng trường mầm non Sao Mai	0.25	0.23		TT La Hà	Tờ 16	
22	Mở rộng trường mầm non Hoa Sen	0.12	0.10		TT La Hà	Tờ 11	
23	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn Điền Chánh	20.00	1.00		Xã Nghĩa Điền	Tờ 3, 4	

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
24	Đường Nghĩa Hiệp - Nghĩa Thương	1.15	0.40		Nghĩa Hiệp + Nghĩa Thương	Tờ số 8, 9 (Nghĩa Hiệp); 7, 24 (Nghĩa Thương)	
25	Kênh trạm bơm 3	0.28	0.07		Xã Nghĩa Kỳ, Nghĩa Thuận	Tờ 19, 20, 25, 26	
26	Trường mầm non xã Nghĩa Kỳ	0.54	0.54		xã Nghĩa Kỳ	Tờ bản đồ số 12	
27	Chỉnh trang khu dân cư Đông Bầu Giang	2.98	0.07		thị trấn La Hà	Tờ bản đồ số 5	
28	Khu dân cư đô thị An Điền Phát Quảng Ngãi	5.00	2.95		thị trấn La Hà	Tờ bản đồ số 16, 17	
29	Đường dây 110kV TBA 220kV Quảng Ngãi - Núi Bút	0.150	0.10		thị trấn Sông Vệ; thị trấn La Hà xã Nghĩa Hiệp; xã Nghĩa Thương		
<b>Huyện Đức Phổ</b>							
30	Đường trục chính Khu du lịch Sa Huỳnh (nổi dài)	6.25	0.70		xã Phổ Châu	Tờ bản đồ số 18,20,25,26,32,33,34,35,38,39, 42,44,46	
31	Tuyến đường Võ Trung Thành đến giáp đường tránh Đông (nút 24)	3.82	3.00		xã: Phổ Hòa, Phổ Minh	Tờ bản đồ số 5,6 xã Phổ Hòa; tờ số 13,16 xã Phổ Minh	
<b>Huyện Nghĩa Hành</b>							
32	Trường Mầm Non xã Hành Tín Đông	0.09	0.03		xã Hành Tín Đông	Tờ 4	

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
33	Tuyến ngã tư tỉnh lộ 628 đến kênh N12	0.52	0.10		Xã Hành Đức	Tờ 3	
34	Đầu tư cơ sở vật chất trại nghiên cứu thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp (giai đoạn 2); Hạng mục: Đường dây trung áp 22KV, đường dây hạ áp 0,4KV và trạm biến áp	0.003	0.001		Hành Thuận	Tờ 9	
35	Cầu Bàu Trai	0.74	0.24		Hành Đức và Hành Phước	Tờ 4 xã Hành Phước (0.09ha) Tờ bản đồ số 34 xã Hành Đức 0.15ha	
36	Cầu Hành Tín	1.47	0.02		Hành Tín Tây	Tờ 12	
37	Quy hoạch khu dân cư tại trường mẫu giáo thôn Phúc Minh, xã Hành Thuận	0.06	0.03		Hành Thuận	Tờ 17	
38	Cơ quan Liên đoàn lao động huyện	0.05	0.05		TT Chợ Chùa	Tờ 22	
<b>Huyện Ba Tư</b>							
39	Đường cứu hộ, cứu nạn Ba Tư - Ba Trang	34.80		0.75	Xã Ba Trang và Thị trấn Ba Tư		
40	Cấp điện xã Ba Điền	0.014	0.01		xã Ba Điền	Tờ bản đồ số 9, 10,15,16,18,21,22,23,24	

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
41	Cấp điện xã Ba Điền	0.08	0.02		xã Ba Tô	Từ bản đồ số 5,6,14,15,9,18,19,26,27,29,30,3 2,33,36,37,38,39,47,49,50,52,5 3,58,61,65,66,71,72	
42	Cầu Vả Ranh	0.29	0.01		xã Ba Điền	Từ bản đồ số 01	
43	Hồ chứa nước Lỗ Lá	1.73	0.62	0.87	xã Ba Khâm	Từ BĐĐCCS số 638596	
44	Đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện vùng Tây Quảng Ngãi (ba Tư-Minh Long-Sơn Hà)Đoạn Km0+00- Km22+336)	31.40		0.63	Các xã: Ba Động, Ba Thành, Ba Vinh, Ba Điền		
45	Cầu BTCT UBND xã - Nước Lá	0.15	0.03		xã Ba Vinh	Từ bản đồ số 39,47	
46	Tuyến đường từ tổ 4 thôn Ba Nhà - Gò Lút	1.30	0.06		xã Ba Giang	Từ bản đồ số 11,12,13	
47	Đường BTXM từ đầu xóm tổ Đèo Lâm đến cuối xóm tổ Đèo Lâm	0.63	0.02		xã Ba Thành	Từ bản đồ số 27,29	
<b>Huyện Minh Long</b>							
48	Kênh đập dâng Ruộng Thủ	0.62	0.13		xã Long Sơn	Từ bản đồ số 36,46,47	

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
49	Nhà văn hóa Thiếu nhi huyện Minh Long	0.20	0.17		xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 13	
50	Cầu ấp Gò Bắc và đường hai đầu cầu	0.40	0.16		xã Thanh An	Tờ bản đồ số 26,27	
51	Trường Tiểu học Long Môn (TT Làng Trê)	0.60	0.25		xã Long Môn	Tờ bản đồ số 3,10	
52	Đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện vùng Tây Quảng Ngãi (ba Tơ-Minh Long-Sơn Hà)Đoạn Km0+00- Km22+336)	8.06	0.25		xã Thanh An		
	<b>Huyện Sơn Hà</b>						
53	Nâng cấp đường dây hạ thế cấp điện thôn Canh Mo và thôn Xà Riêng	0.01	0.00		xã Sơn Nham		
54	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Sơn Hà - Sơn Tây (ĐT 623), đoạn Km0+300-Km14+630	1.25	0.33		xã Sơn Thượng	Vị trí : 549847.12; 1661803.25	
55	Đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện vùng Tây Quảng Ngãi (ba Tơ-Minh Long-Sơn Hà)Đoạn Km36+755,75-Km51+00)	7.66	0.01		xã Sơn Cao		

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
56	Đường vào nhà sinh hoạt công đồng tổ dân phố Làng Dầu, thị trấn Di Lăng	0.08	0.04		thị trấn Di Lăng		
57	Công trình đường điện xóm Đồng Làng	0.00	0,003		xã Sơn Linh		
<b>Huyện Sơn Tây</b>							
58	Điểm định canh định cư Xóm Bà Nốt	1.95		0.11	xã Sơn Lập	tờ 12 BĐ ĐCLN	
<b>Huyện Tây Trà</b>							
59	Trường THCS DTNT huyện Tây Trà	1.10	0.19		Xã Trà Phong, huyện Tây Trà	Tờ bản đồ số 13	
60	Trung tâm y tế huyện Tây Trà	2.14	1.90		Trà Phong	Thuộc mảnh bản đồ địa chính cơ sở 680536	
<b>Tổng cộng</b>		<b>223.76</b>	<b>39.33</b>	<b>2.36</b>			